

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2016/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường; Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 509/TTr-STNMT ngày 10/3/2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 277/BC-STP ngày 22/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, tài nguyên môi trường biển và đảo (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai

a) Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; số liệu điều tra về giá đất;

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Bản đồ địa chính; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản

a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;

b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản;

c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;

đ) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

e) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường

a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;

b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;

c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

d) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

đ) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

e) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

g) Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường;

h) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;

i) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn

a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô dôn;

b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;

d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Hệ thống thông tin, dữ liệu về đo đạc và bản đồ

a) Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa hình tỉnh, bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, địa giới hành chính các cấp.

b) Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành, gồm:

- Thông tin, dữ liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

- Thông tin, dữ liệu về hệ thống không ảnh chuyên dụng;

- Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ quản lý đất đai khác;

- Cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành;

- Bản đồ chuyên đề, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác.

c) Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khác.

7. Dữ liệu tài nguyên môi trường biển và đảo

a) Dữ liệu về đất có mặt nước biển;

b) Dữ liệu về địa hình đáy biển;

c) Dữ liệu về tính chất cơ lý của nước biển;

d) Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển;

đ) Dữ liệu về dầu, khí biển;

e) Dữ liệu về sinh vật biển;

g) Dữ liệu về chất lượng môi trường biển;

h) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;

i) Dữ liệu về đảo;

k) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên, môi trường biển.

8. Kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

9. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

10. Kết quả của các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ về tài nguyên và môi trường.

11. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;
3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;
4. Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống;
5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;

6. Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (Trừ các trường hợp được quy định tại Điều 27 Thông tư 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

7. Phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu và tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 5. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, cập nhật, quản lý, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THU THẬP, QUẢN LÝ, CẬP NHẬT DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu

1. Các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu thập dữ liệu dự kiến.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện có dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng kế hoạch chính thức trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, xong trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

2. Việc thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

3. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đơn vị được giao chủ trì việc thu thập dữ liệu phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

4. Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu:

a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu và tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân theo kế hoạch được lập hàng năm.

b) Quan trắc, điều tra, khảo sát;

c) Nghiên cứu, dự báo;

d) Tổng hợp, tạo lập dữ liệu và các hình thức khác.

Điều 8. Giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nộp phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định.

2. Các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) có dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp hoặc phối hợp trong việc cung cấp dữ liệu để Sở Tài nguyên và Môi trường tập hợp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy chế này và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu. Dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc.

4. Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi hoàn thành các công việc liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn của ngành tài nguyên và môi trường thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường để thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; đồng thời, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường lập (bổ sung) danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường để báo cáo UBND tỉnh.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng.

2. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

3. Cơ quan chủ trì thu thập, tiếp nhận dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu khi thu thập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu; nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu tuân thủ theo Điều 18 Thông tư 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường được biên tập, chỉnh sửa, tổng hợp, sắp xếp, phân loại và phải được xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa dữ liệu để đưa vào

lưu trữ, bảo quản.

Điều 10. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ, bảo quản tại cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các điều 31, điều 32, điều 33 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 2

CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu

1. UBND tỉnh công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với những dữ liệu mà theo quy định của pháp luật phải được công khai, phổ biến rộng rãi.

2. Việc công bố phải tuân theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi, Cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Thẩm quyền cung cấp, cho phép cung cấp dữ liệu

Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu mật về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật Nhà nước được thực hiện:

1. Chủ tịch UBND tỉnh cho phép cung cấp sử dụng tài liệu tối mật.
2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp tài liệu mật.
3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1, 2 của Điều này.

Điều 13. Hình thức khai thác, sử dụng dữ liệu.

1. Khai thác và sử dụng dữ liệu qua mạng Internet qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi và Cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Tài nguyên và Môi trường

2. Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu tại cơ quan quản lý dữ liệu.

3. Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Đối với việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên mạng Internet, trên Cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Tài nguyên và Môi trường phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối với việc cung cấp bằng phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường phải có phiếu yêu cầu theo mẫu kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT hoặc văn bản yêu cầu ghi rõ nội dung, mục đích của việc khai thác thông tin; có giấy tờ tùy thân hợp lệ để đối chiếu.

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại điều 5 quy chế này.

c) Khi nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu theo nội dung yêu cầu. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

d) Thời hạn cung cấp dữ liệu trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu của tổ chức và cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu.

3. Việc khai thác sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự giữa cơ quan quản lý dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu và theo mẫu số 3 kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

Điều 15. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu.

1. Văn bản yêu cầu cung cấp mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên, địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

3. Không có, không rõ hoặc mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu

1. Tuân thủ triệt để các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp đã giao kết trong hợp đồng.

3. Trả chi phí khai thác, sử dụng dữ liệu trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

5. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác sử dụng dữ liệu của mình.

6. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức, hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường; tiến hành theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;
3. Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.
4. Tham mưu cho UBND tỉnh việc kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
5. Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu; cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này;
2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng kinh phí khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
3. Các tổ chức, cá nhân có dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh nhằm thống nhất trong quản lý khai thác và công bố dữ liệu tài nguyên môi trường.

Điều 19. Kinh phí thu thập, quản lý, cập nhật dữ liệu và xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu.

1. Kinh phí thu thập, quản lý, cập nhật dữ liệu và xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi do ngân sách tỉnh và các nguồn khác theo quy định của pháp luật, được giao hàng năm trong kinh phí chi cho sự nghiệp tài nguyên và môi trường.
2. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán (tháng 7), Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự toán kinh phí phục vụ công tác thu thập, quản lý, cập nhật dữ liệu và xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trong dự toán của ngành, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phân bổ dự toán.

Điều 20. Xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày quy chế này có hiệu lực thi hành

Đối với các dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do các tổ chức, cá nhân đang quản lý và lưu trữ, được xây dựng, điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

1. Trường hợp dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các tổ chức, cá nhân đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 3 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp dữ liệu chưa được nghiệm thu, đánh giá hoặc đang triển khai thực hiện, Thủ trưởng các tổ chức đã được Nhà nước cấp kinh phí để điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, nghiệm thu, đánh giá các dữ liệu và đưa vào sử dụng theo Quy chế này. Thời hạn nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày kết thúc dự án, nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng